

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai Danh mục TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT
thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và UBND cấp xã
áp dụng trên địa bàn huyện Yên Thành**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện, UBND xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện;

Căn cứ Quyết định số 4824/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 4390/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT

thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO huyện; Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này gồm 27 danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã áp dụng trên địa bàn huyện Yên Thành.

- 19 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện.

- 08 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, NN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Tuyên

DANH MỤC
27 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THỰC HIỆN TẠI HUYỆN YÊN THÀNH
(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày /6/2023 của UBND huyện Yên Thành)

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
A	CẤP HUYỆN (19 thủ tục)
1	Thủ tục Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (Thuộc địa bàn quản lý)
2	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (Thuộc địa bàn quản lý)
3	Bảng xác nhận kê khai lâm sản
4	Thủ tục Phê duyệt, Điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)
5	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu
6	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình
7	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp
8	Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp
9	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện
10	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện (Trên địa bàn hai xã trở lên)
11	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (Trên địa bàn 02 xã trở lên)
12	Thủ tục Bố trí ổn định dân cư trong huyện
13	Thủ tục Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh
14	Thủ tục Hỗ trợ dự án liên kết
15	Thủ tục Hỗ trợ chi phí mua sắm, máy móc, thiết bị, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm OCOP; xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị bảo quản, trang trí điểm cho đơn vị thực hiện việc giới thiệu và bán các sản phẩm OCOP; thiết kế, mua bao bì thương phẩm, mua nhãn hàng hóa
16	Thủ tục Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
17	Thủ tục Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương
18	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

19	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)
B	CẤP XÃ (08 thủ tục)
1	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang trồng các cây hàng năm khác hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa
2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
3	Đăng ký kê khai hoạt động chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản ban đầu
4	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh
5	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh
6	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)
7	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
8	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN THÀNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2023 của UBND huyện Yên Thành)

B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
I. LĨNH VỰC THỦY SẢN						
ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (Thuộc địa bàn quản lý)	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND huyện thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý. - Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông báo theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	

3	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (Thuộc địa bàn quản lý)	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 63 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bru điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện		- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	
---	--	---	--	--	--	--

II. LĨNH VỰC KIỂM LÂM

1	Thủ tục xác nhận bằng kê lâm sản	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bru điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017. - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp; - Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.	
---	----------------------------------	---	--	-------	---	--

2	Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua môi trường mạng	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017. - Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung đầu tư công trình lâm sinh.	
3	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định; - Trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện - Nộp qua môi trường mạng	Không	Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam	<i>Thủ tục được công bố lần đầu</i> Căn cứ QĐ số 044/QĐ-BNN-TCLN ngày 4/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố TTHC mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp
III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH						
1	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Theo dự toán được chủ đầu tư phê duyệt	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 - Điều 23, 24 Căn cứ Nghị định số	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Từ “Thủ tục Thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình thuộc lĩnh

					06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Căn cứ Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	<i>vực nông nghiệp và phát triển nông thôn” thành 2 TTHC, cụ thể:</i> + “<i>Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng</i>” căn cứ: Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh NA + “<i>Thủ tục Thẩm định, thẩm định điều chỉnh báo cáo kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng</i>” căn cứ: Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của chính phủ; QĐ số 41/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của UBND tỉnh Nghệ An”.
--	--	--	--	--	--	---

IV LĨNH VỰC THỦY LỢI					
1	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND tỉnh phân cấp (Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt)	Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số Điều của Luật thủy lợi.
2	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt, Điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, điểm đ khoản 2, điểm c khoản 4, khoản 6, điểm c khoản 7- Điều 12, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
3	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 4- Điều 19, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

4	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện (trên địa bàn hai xã trở lên)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5 - Điều 7, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
5	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện (trên địa bàn 02 xã trở lên)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5 - Điều 26, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
V. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN						
1	Thủ tục Bố trí ổn định dân cư trong huyện	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.	

2	Thủ tục Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện trong tỉnh	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bru điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; - Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.	
3	Thủ tục Hỗ trợ dự án liên kết	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bru điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	

4	Thủ tục Hỗ trợ chi phí mua sắm, máy móc, thiết bị, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm OCOP; xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị bảo quản, trang trí điểm cho đơn vị thực hiện việc giới thiệu và bán các sản phẩm OCOP; thiết kế, mua bao bì thương phẩm, mua nhãn hàng hóa	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Quy định một số Chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025.	
5	Thủ tục Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 12/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	

VI. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG					
1	Thủ tục Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trước 30/9 hàng năm, theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.
VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN					
1	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp đã được xếp loại trước; - 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp cơ sở chưa thẩm định xếp loại.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm: 700.000 đồng/lần - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/lần	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định việc thẩm định chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm

					trong lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 286/2016/TT-BTC. - Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	
2	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp đã được thẩm định xếp loại trước; - 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp cơ sở chưa thẩm định xếp loại.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	- Thẩm định cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm: 700.000đồng/lần đánh giá. - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định việc thẩm định chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 286/2016/TT-BTC. - Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định phân công, phân cấp và phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An.		

C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT						
1	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua môi trường mạng	Không	- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số Điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.	
II. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG						
1	Thủ tục Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua môi trường mạng	Không	Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.	

III. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI					
1	Thủ tục Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với các hộ chăn nuôi tập trung. Các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai và được xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua môi trường mạng	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.
2	Thủ tục Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết cho các hộ sản xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.
3	Thủ tục Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết cho các hộ sản xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

IV. LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1	Thủ tục Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 - Khoản b, Điều 9 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	
2	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 - Điều 7, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
3	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, UBND cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 - Khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 - Điều 26, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	

